

Hồ Chí Minh - người kiến tạo đường lối cách mạng Việt Nam trong mọi chặng đường lịch sử

GS, TS. TRẦN THỊ MINH TUYẾT

Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Email: minhhtuyet1612@gmail.com

Nhận ngày 2 tháng 10 năm 2025; chấp nhận đăng tháng 1 năm 2026.

Tóm tắt: Vừa là người sáng lập Đảng, vừa là nguyên thủ quốc gia, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đóng vai trò là “kiến trúc sư” của đường lối cách mạng Việt Nam. Thông qua việc chứng minh vai trò kiến tạo đường lối cách mạng của Người, bài viết hướng tới việc khẳng định ảnh hưởng to lớn, vai trò vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với lịch sử Việt Nam hiện đại.

Từ khóa: Hồ Chí Minh; kiến tạo; đường lối cách mạng.

Abstract: As both the founder of the Communist Party and the head of state, President Hồ Chí Minh consistently played the role of an “architect” of Vietnam’s revolutionary line. By demonstrating his role in shaping and formulating the country’s revolutionary path, this paper seeks to affirm the profound influence and great significance of President Hồ Chí Minh in Vietnam’s modern history.

Keywords: Hồ Chí Minh; shaping; revolutionary guideline.

1. Đặt vấn đề

Chủ tịch Hồ Chí Minh sau những năm tháng bôn ba “tìm đường, nhận đường” đã trở thành người “dẫn đường” cho dân tộc Việt Nam thông qua việc kiến tạo đường lối cách mạng của Đảng do Người sáng lập và rèn luyện. Sự đúng - sai của đường lối quyết định sự thành - bại của cách mạng, sự sống - còn của Đảng nên xây dựng đường lối là vấn đề “cốt tử” của một đảng cách mạng. Xác định mình “như một người lính vâng mệnh lệnh của quốc dân ra trước mặt trận” (Hồ Chí Minh, 2011), Hồ Chủ tịch đã nhận trách nhiệm nặng nề ấy. Những kỳ tích mà dân tộc Việt Nam đạt được trong thời đại Hồ Chí Minh có nhiều nguyên nhân nhưng sự đúng đắn trong đường lối do Hồ Chí Minh tạo dựng chính là nguyên nhân quyết định. Nhận thức sâu sắc điều này sẽ giúp Đảng ta tìm ra điểm tựa tinh thần, cội nguồn lý luận để hoàn thiện đường lối phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới của dân tộc.

2. Vai trò của Hồ Chí Minh trong hoạch định đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Đường lối cách mạng là khái niệm chỉ hệ thống quan điểm, chủ trương, chính sách về mục tiêu, phương hướng,

nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra với tư cách là lực lượng lãnh đạo. Chất lượng của đường lối quyết định uy tín, vai trò lãnh đạo của Đảng đối với dân tộc. Hồ Chí Minh với tư cách là “linh hồn” của Đảng và dân tộc là người đóng vai trò quyết định trong việc xây dựng đường lối cách mạng của Đảng. Vai trò ấy được thể hiện trên một số phương diện chính sau đây.

Thứ nhất, Hồ Chí Minh đưa ra những chỉ dẫn quý báu về cách thức xây dựng đường lối.

Xác định đường lối đúng đắn, thống nhất là vấn đề “cốt tử” của Đảng vì “chính sách đúng là nguồn gốc của thắng lợi” (Hồ Chí Minh, 2011), đường lối thống nhất là nền tảng cho sự đoàn kết. Đảng thực thi quyền lãnh đạo trước hết bằng việc đề ra đường lối nên Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh: “Lãnh đạo đúng nghĩa là: 1. Phải quyết định mọi vấn đề một cách cho đúng” (Hồ Chí Minh, 2011). Vậy thế nào là đường lối đúng? Hồ Chí Minh đã đưa ra một loạt chỉ dẫn quý báu. Người khẳng định: “Đường lối ấy chỉ có thể là đường lối của chủ nghĩa Mác - Lênin được vận dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể của dân tộc” (Hồ Chí Minh, 2011). Tức là, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ

thể của Việt Nam chính là điều kiện đầu tiên để có một đường lối đúng. Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác - Lênin “làm cốt” nên nếu đường lối của Đảng xa rời những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin thì Đảng sẽ rơi vào căn bệnh xét lại; ngược lại, nếu áp dụng máy móc những nguyên lý đó vào điều kiện đặc thù của Việt Nam thì rơi vào căn bệnh giáo điều. Dù ở thái cực nào thì cũng đều hết sức tai hại cho Đảng và cho dân tộc. Vì thế, Người nhấn mạnh: Chúng ta phải học chủ nghĩa Mác - Lênin để phân tích và giải quyết các vấn đề cụ thể của cách mạng nước ta, cho hợp với điều kiện của nước mình.

Để có đường lối đúng, Đảng phải *tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm của các nước anh em* để bớt sự mờ mịt, trả giá. Mặt khác, nhận thức rõ đặc điểm riêng của đất nước và của từng thời kỳ cũng là điều kiện quan trọng để có đường lối đúng. Do đó, khi xây dựng cương lĩnh, nghị quyết, Đảng phải điều tra, tìm hiểu, nắm chắc tình hình thực tế; “nếu không biết rõ tình hình mà đặt chính sách thì kết quả là “nồi vuông úp vung tròn”, không ăn khớp gì hết” (Hồ Chí Minh, 2011).

Quan trọng hơn cả, theo Hồ Chí Minh, đường lối đúng phải là đường lối *phù hợp với lòng dân*, thể hiện được ý muốn, nguyện vọng cháy bỏng của đông đảo quần chúng nhân dân và hướng tới việc phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Muốn có được điều đó thì cán bộ phải *khéo* khơi gợi cho quần chúng nói lên suy nghĩ của mình và sau đó kiên trì “tập trung ý kiến của quần chúng, hoá nó thành cái đường lối để lãnh đạo quần chúng” (Hồ Chí Minh, 2011). Hồ Chí Minh còn nêu rõ “quy trình” làm đường lối như sau: “Gom góp mọi ý kiến rồi rọc, lê te của quần chúng, rồi phân tích nó, nghiên cứu nó, sắp đặt nó thành những ý kiến có hệ thống. Rồi đem nó tuyên truyền, giải thích cho quần chúng, và làm cho nó thành ý kiến của quần chúng, và làm cho quần chúng giữ vững và thực hành ý kiến đó. Đồng thời nhân lúc quần chúng thực hành, ta xem xét lại, coi ý kiến đó đúng hay không. Rồi lại tập trung ý kiến của quần chúng, phát triển những ưu điểm, sửa chữa những khuyết điểm, tuyên truyền, giải thích, làm cho quần chúng giữ vững và thực hành. Cứ như thế mãi thì lần sau chắc đúng mực hơn, hoạt bát hơn, đầy đủ hơn lần trước” (Hồ Chí Minh, 2011). Thậm chí, Người còn căn dặn: “Nghị quyết gì mà dân chúng cho là không hợp thì để họ đề nghị sửa chữa” (Hồ Chí Minh, 2011). Người cũng nhắc nhở, trong hoạch định

đường lối, Đảng phải phòng chống khuynh hướng “tả” và khuynh hướng “hữu”.

Những chỉ dẫn quý báu của Hồ Chí Minh về cách thức xây dựng đường lối cách mạng Việt Nam là “kim chỉ nam” soi đường cho việc hoạch định đường lối của Đảng trong gần một thế kỷ qua.

Thứ hai, từ khi Đảng ra đời, Hồ Chí Minh là người trực tiếp hoạch định hoặc đóng vai trò quyết định cho việc hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam.

Khi Việt Nam bị mất nước, nổi nhục nô lệ và sự thất bại của các phong trào kháng Pháp của cha anh đã thôi thúc người thanh niên Nguyễn Tất Thành ra đi tìm kiếm *đường lối cứu nước mới*. Trong hành trình khảo cứu các loại hình cách mạng, các mô hình xã hội trên thế giới, Nguyễn Ái Quốc rút ra kết luận: Cách mạng tư sản là “cách mạng không đến nơi”; “An Nam muốn cách mệnh thành công, thì tất phải nhờ Đệ tam Quốc tế” (Hồ Chí Minh, 2011), tức phải đặt cách mạng giải phóng dân tộc vào quỹ đạo của cách mạng vô sản. Người cũng thấu hiểu rằng, muốn có phong trào cách mạng trước hết phải có một Đảng cách mạng và Đảng ấy phải đề ra đường lối đúng đắn. Vì thế, đầu năm 1930, khi triệu tập hội nghị hợp nhất các đảng cộng sản tại Hương Cảng - Trung Quốc (mùa xuân năm 1930), Nguyễn Ái Quốc là người trực tiếp soạn thảo *Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt và Điều lệ vắn tắt* của Đảng. Đường lối do Người soạn thảo khi đó đã khẳng định một loạt chủ trương quan trọng: Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản; chống đế quốc là nhiệm vụ hàng đầu, lực lượng là toàn dân do giai cấp vô sản lãnh đạo; cách mạng Việt Nam cần liên kết với các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản thế giới, nhất là giai cấp vô sản Pháp... Với sự kết hợp hài hòa giữa tinh thần dân tộc và quan điểm giai cấp, đường lối ấy đã chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối cứu nước. Vào thời điểm ấy, so với các khuynh hướng giải phóng dân tộc của các bậc tiền bối, đường lối cứu nước của Hồ Chí Minh mới mẻ, khoa học đến kỳ lạ. Đây chính là cơ sở để Đảng Cộng sản Việt Nam nắm được ngọn cờ lãnh đạo và mở ra phương hướng phát triển mới cho dân tộc Việt Nam. Trong giai đoạn 1930 - 1945, Đảng Cộng sản Đông Dương đã từng bước điều chỉnh, hoàn chỉnh chiến lược giải phóng dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Khi Hồ Chí Minh về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Hội nghị Trung ương 8 (tháng 5/1941)

của Đảng đã xác định rõ: “Cuộc cách mạng Đông Dương hiện tại không phải là cuộc cách mạng tư sản dân quyền, cuộc cách mạng giải quyết hai vấn đề: phân đế và điền địa nữa, mà là cuộc cách mạng *chỉ phải giải quyết một vấn đề cần kíp “dân tộc giải phóng”,* vậy thì cuộc cách mạng Đông Dương trong giai đoạn hiện tại là một cuộc cách mạng dân tộc giải phóng” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2000). Việc xác định giải phóng dân tộc là nhiệm vụ duy nhất đã phát huy cao độ tiềm năng, sức mạnh của toàn dân tộc. Đây là nguyên nhân cơ bản dẫn đến thắng lợi của cách mạng Tháng Tám và sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Trở thành nguyên thủ quốc gia của Nhà nước cách mạng non trẻ, Hồ Chí Minh đã tìm mọi cách giải quyết xung đột Việt - Pháp, kể cả chấp nhận Việt Nam “là quốc gia tự do nằm trong khối liên hiệp Pháp” và nhân nhượng cho Pháp một số quyền lợi về kinh tế, về văn hóa. Tuy nhiên, “những cố gắng của Người cho đến những giây phút cuối cùng đã không ngăn chặn được bàn tay tội ác của kẻ thù” (Võ Nguyên Giáp, 2001). Dã tâm tái xâm lược của thực dân Pháp đã đẩy 2 dân tộc Việt - Pháp vào cuộc chiến tranh khốc liệt. Chuẩn bị cho cuộc đụng độ không tránh khỏi giữa những kẻ quyết cướp nước và những người quyết giữ nước, Hồ Chí Minh đã viết Chi thị *Công việc khẩn cấp bây giờ* để kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tăng cường đoàn kết và sẵn sàng đối phó khi thực dân Pháp gây chiến. Khi thực dân Pháp liên tiếp gửi các tối hậu thư với những yêu cầu không thể chấp nhận, Hồ Chủ tịch đã chỉ đạo lực lượng vũ trang của ta nổ súng vào đêm 19/12/1946 để giành thế chủ động. Sáng sớm ngày 20/12/1946, qua sóng phát thanh của Đài Tiếng nói Việt Nam, *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh vang vọng khắp núi sông. Toàn văn *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Hồ Chủ tịch chỉ vắn vắn 197 chữ nhưng đây chính là cương lĩnh kháng chiến được phác thảo trên nét lớn. Tinh thần của nó đã thấm vào Chi thị Toàn dân kháng chiến của Trung ương Đảng (12/12/1946), tác phẩm *Kháng chiến nhất định thắng lợi* của Tổng Bí thư Trường Chinh (tháng 9/1947) và tất cả đã tạo nên đường lối kháng chiến chống Pháp. Nội dung căn cốt của nó như sau: Mục đích kháng chiến là để giành thống nhất và độc lập; tính chất là cuộc chiến tranh chính nghĩa; phương châm kháng chiến là toàn dân, toàn diện, trường kỳ và tự lực cánh sinh; triển vọng kháng chiến là nhất định thắng lợi... Hồ Chí Minh

còn chuyển tải đường lối kháng chiến chống Pháp vào bài thơ *Chúc năm mới xuân 1947* với âm hưởng hào hùng. Nhờ có đường lối kháng chiến đúng đắn, ta càng đánh càng mạnh và đối phương thì ngày càng sa lầy. Mong muốn tìm một lối thoát trong danh dự, chính phủ Pháp cử Henri Nava sang làm Tổng chỉ huy quân đội thứ 7 của Pháp ở Đông Dương. “Kế hoạch Nava” chủ trương tập trung lực lượng cơ động chiến lược thành “quả đấm sắt” để tiêu diệt từng căn cứ, lực lượng chủ lực của ta. Trước ý đồ đó, Hồ Chủ tịch nói rõ: “Địch tập trung quân cơ động để tạo nên sức mạnh... Không sợ! Ta buộc chúng phải phân tán binh lực thì sức mạnh đó không còn” (Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử, 2016). Khi địa danh Điện Biên Phủ trở thành điểm quyết chiến chiến lược giữa hai bên, Hồ Chí Minh đề ra chủ trương “Chắc thắng mới đánh, không chắc thắng không đánh” (Võ Nguyên Giáp, 1994). Phương châm đúng đắn đó đã trở thành nguyên tắc chỉ đạo cao nhất, bảo đảm Chiến dịch Điện Biên Phủ đi đến thắng lợi hoàn toàn. Đại tướng Võ Nguyên Giáp - người chỉ huy trực tiếp mặt trận Điện Biên Phủ đúc kết: “Chiến thắng Điện Biên Phủ là công đầu thuộc Chủ tịch Hồ Chí Minh - nhà chiến lược thiên tài, là người cha thân yêu của các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam” (Võ Nguyên Giáp, 2000).

Pháp rút đi thì Mỹ tới nhưng việc đề ra đường lối kháng chiến chống Mỹ hoàn toàn không đơn giản. Lý do là lúc này các nước đồng minh của ta có quan điểm “cùng tồn tại hòa bình”, nhân dân thế giới đang có tâm lý chống chiến tranh dưới mọi hình thức; chủ nghĩa thực dân mới lần đầu tiên được thi hành ở Việt Nam nên không thể hiểu nó “một sớm, một chiều”. Dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh, trải qua nhiều hội nghị Trung ương Đảng và Bộ chính trị, đường lối kháng chiến chống Mỹ từng bước được hình thành. “Bước ngoặt” đầu tiên trong tư duy của Đảng về chiến tranh cách mạng chính là Nghị quyết Trung ương lần thứ 15 khóa II (năm 1959) với chủ trương chuyển từ đấu tranh chính trị sang kết hợp giữa đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang. Nghị quyết 15 khóa II khi đi vào thực tế đã thổi bùng ngọn lửa căm hận của quần chúng cách mạng và tạo ra bước “nhảy vọt về chất” cho cách mạng miền Nam. Dựa trên những chuyển biến tích cực đó, Đại hội Đảng III (tháng 9/1960) đã chính thức thông qua đường lối *tiến hành đồng thời 2 nhiệm vụ chiến lược ở 2 miền*. Việc một Đảng duy nhất lãnh đạo đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược ở hai miền để

hướng tới mục tiêu giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước là điều hoàn toàn chưa có tiền lệ nhưng đó chính là lời giải duy nhất đúng cho “bài toán học búa” của cách mạng Việt Nam lúc đó. Trong một cuộc chiến tranh kéo dài 21 năm, mục tiêu giải phóng miền Nam là không đổi nhưng đường lối kháng chiến chống Mỹ đã không ngừng được bổ sung. Trước việc Mỹ thi hành chiến lược *Chiến tranh Cục bộ*, đổ quân trực tiếp tham chiến ở miền Nam và dùng chiến tranh phá hoại miền Bắc, Hội nghị Trung ương lần thứ 11 và lần thứ 12 (năm 1965) của Đảng đưa ra kết luận: Dù Mỹ đổ quân trực tiếp tham chiến nhưng tương quan lực lượng vẫn không thay đổi lớn; Việt Nam sẽ quyết đánh Mỹ và sẽ thắng Mỹ. Đề khẳng định ý chí chiến đấu đến cùng của nhân dân Việt Nam, Hồ Chí Minh tuyên bố: “Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ” (Hồ Chí Minh, 2011). Trong bài thơ chúc tết năm 1969, Người còn chỉ rõ phương thức kết thúc chiến tranh là “Đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào” (Hồ Chí Minh, 2011), tức là thực hiện nghệ thuật thắng từng bước, đánh đổ từng bộ phận để đi đến sự toàn thắng. Đáng nói hơn nữa là ngay cả khi Hồ Chủ tịch đã “đi xa”, từng bước tiến trong đường lối kháng chiến của Đảng vẫn “in đậm” dấu ấn tư tưởng của Người.

Để thực hiện lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn kiến tạo *đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa*. Người thường định nghĩa về chủ nghĩa xã hội từ góc độ mục tiêu và lợi ích để khẳng định tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội. Lãnh đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc Việt Nam, Hồ Chí Minh chủ trương phát huy hệ động lực bao gồm: động lực con người với tư cách cá nhân và cộng đồng; động lực chính trị mà quan trọng nhất là sự lãnh đạo của Đảng; động lực kinh tế là đẩy mạnh tăng gia sản xuất và ra sức thực hành tiết kiệm; động lực văn hóa là phát huy truyền thống yêu nước, đoàn kết, cần cù, sáng tạo của con người Việt Nam; động lực quốc tế là sự hợp tác với thế giới và tiếp thu các thành tựu khoa học kỹ thuật của nhân loại... Sự sáng tạo của Hồ Chí Minh thể hiện ở chỗ: Người không chỉ làm rõ các động lực mà còn chỉ ra các *trở lực*, trong đó trở lực lớn nhất là chủ nghĩa cá nhân. Nắm vững thực tiễn, Hồ Chí Minh đã chỉ ra *loại hình quá độ gián tiếp* của chủ nghĩa xã hội ở nước ta:

Tiến hành giải phóng dân tộc, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, không kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Do loại hình quá độ “gián tiếp đặc biệt” nên thời kỳ quá độ ở Việt Nam sẽ lâu dài, gian khổ hơn các nước khác. Người còn đề ra hai nguyên tắc mang tính phương pháp luận về xây dựng chủ nghĩa xã hội: *Một là*, chủ nghĩa xã hội là một hiện tượng quốc tế nên cần phải quán triệt các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và học tập kinh nghiệm của các nước anh em; *Hai là*, bước đi, biện pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở mỗi nước có tính đặc thù vì gắn với điều kiện thực tế của từng đất nước. Phát triển những quan điểm chỉ đạo của Hồ Chủ tịch, Đại hội Đảng lần thứ III (tháng 9/1960) đã chính thức đề ra đường lối “đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng đời sống ấm no hạnh phúc ở miền Bắc và củng cố miền Bắc thành cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà” (Đảng Cộng sản Việt Nam). Việc thực hiện đường lối đó đã giúp miền Bắc vừa tạo dựng được một số cơ sở vật chất, vừa đứng vững trong 2 cuộc chiến tranh phá hoại, vừa làm tròn nghĩa vụ của một hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn. Có thể khẳng định: Không thể có thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ nếu không có vai trò của miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Sức mạnh của miền Bắc có cội nguồn là những quan điểm đúng đắn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Đề ra đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện đất nước bị chia cắt là điều hết sức độc đáo của Người.

Đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng Cộng sản Việt Nam do Hồ Chí Minh kiến thiết, định hướng khi đi vào thực tế đã trở thành ngọn cờ tập hợp đông đảo quần chúng và tạo ra thời đại Hồ Chí Minh rực rỡ nhất trong lịch sử dân tộc.

3. Sự soi chiếu của tư tưởng Hồ Chí Minh trong kỷ nguyên “Vươn mình” của dân tộc

Thế giới đã nhận định: Hồ Chí Minh “không phải là một kỷ niệm của quá khứ. Người là một con người diệu kỳ cho tất cả mọi thời đại” (Hội thảo Quốc tế Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc Nhà văn hóa lớn, 1995). Tư tưởng Hồ Chí Minh đề cao các giá trị bất hủ của toàn nhân loại như độc lập, tự do, hạnh phúc, hòa bình, hợp tác và phát triển nên “thế giới còn đổi thay, nhưng tư tưởng Hồ Chí Minh sống mãi” (Võ Nguyên

Giáp, 2015) và mãi là ánh sáng soi đường cho cách mạng Việt Nam. Sự nghiệp Đổi mới ở nước ta thực chất là “sự trở về” với tư tưởng Hồ Chí Minh, đặc biệt là quan điểm về tôn trọng quy luật khách quan và lợi ích của dân. Vì thế, Đổi mới đã lần lượt đưa Việt Nam thoát khỏi cuộc khủng hoảng, khỏi danh sách nước nghèo và nay trở thành nước có thu nhập trung bình cao. Dựa trên thành tựu của 40 năm Đổi mới, sự biến đổi nhanh chóng của tình hình thế giới và trong nước, Đảng Cộng sản Việt Nam đã khởi phát “*Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam*” với hàm ý: Đó chính là kỷ nguyên phát triển bứt phá theo định hướng xã hội chủ nghĩa để đạt các mục tiêu hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc dưới lá cờ về vang của Đảng. Vượt lên sự biến thiên của lịch sử, tính dẫn dắt, soi đường của tư tưởng Hồ Chí Minh trong kỷ nguyên phát triển mới thể hiện như sau.

Một là, tư tưởng Hồ Chí Minh là cơ sở để Đảng xác định rõ mục tiêu của “Kỷ nguyên vươn mình”.

Hồ Chí Minh là con người suốt đời chỉ mưu cầu độc lập cho dân tộc, hạnh phúc cho nhân dân và hòa bình cho thế giới. Đảng Cộng sản Việt Nam xác định, mục tiêu của “kỷ nguyên vươn mình” là phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, Việt Nam trở thành nước xã hội chủ nghĩa phát triển, có thu nhập cao. Mục tiêu đó suy cho cùng cũng chỉ để nhân dân được sung sướng, hạnh phúc, dân tộc được cường thịnh, trường tồn. Khi bàn về việc tăng trưởng của đất nước trong thời kỳ mới, Tổng Bí thư Tô Lâm nói một cách rất thực tế: Tăng trưởng ở mức nào đi chăng nữa thì người dân phải được thụ hưởng những thành quả ấy; nếu “tăng trưởng nhưng hết tháng hết tiền hoặc ốm đau thì cuộc sống không vui, đó không phải là mục tiêu của chúng ta” (Hương Giang, 2025). Như vậy, mục tiêu của “kỷ nguyên vươn mình” thể hiện rõ mục tiêu “vì dân” mà Hồ Chí Minh đã đề ra.

Hai là, tư tưởng Hồ Chí Minh truyền cảm hứng, quyết tâm thay đổi vận mệnh dân tộc, sánh vai các cường quốc năm châu.

Hồ Chí Minh là người có hoài bão lớn và niềm tin mãnh liệt vào Nhân dân, vào tương lai của dân tộc Việt Nam. Sau cách mạng Tháng Tám - thời điểm Nhà nước cách mạng phải đối đầu với giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm, Hồ Chí Minh vẫn khao khát cái ngày dân tộc Việt Nam “sánh vai với các cường quốc năm châu”. Người rất tin rằng, Việt Nam là “một dân tộc đã có một nền văn

hoá lâu đời, nhưng lại có đủ khả năng để trẻ lại” (Hồ Chí Minh, 2011) và sẽ trở thành một dân tộc văn minh, có đóng góp vào văn minh nhân loại. Niềm tin của Hồ Chí Minh vào tương lai tươi sáng của dân tộc Việt Nam thực chất là lòng tin vào nhân dân anh hùng và Đảng chân chính cách mạng. Trong việc xác định “*Kỷ nguyên vươn mình*” của dân tộc Việt Nam, Đảng đã hướng tới mục tiêu được đứng trong hàng ngũ của các nước phát triển. Vượt qua nghèo nàn đã khó nhưng vươn tới thịnh vượng, phát triển còn khó hơn rất nhiều. Càng khó hơn nữa khi các nước phát triển không “*đậm chân tại chỗ*” để đợi Việt Nam đuổi kịp. Trước những khó khăn, thách thức thì khát vọng phát triển của Hồ Chí Minh đã truyền cho Đảng, cho nhân dân một niềm tin, một quyết tâm lớn lao. Nhiệm vụ của Đảng lúc này là phải biến “*ý Đảng*” trở thành “*lòng dân*”.

Ba là, tư tưởng Hồ Chí Minh gọi mở các động lực phát triển để thúc đẩy sự “vươn mình” của dân tộc Việt Nam.

“*Vươn mình*” có nghĩa là dân tộc phải vượt qua tầm vóc, hành động thông thường để đạt tới một “*chiều kích*”, tốc độ phát triển mới để đạt mục tiêu trở thành nước phát triển vào giữa thế kỷ XXI. “*Dur địa*” thời gian để thực hiện mục tiêu đó chỉ còn hơn 2 thập kỷ nhưng bên cạnh 4 nguy cơ được xác định từ năm 1994 vẫn tồn tại và có mặt còn trở nên gay gắt hơn, Việt Nam đang đứng trước một loạt các nguy cơ mới như “*bẫy thu nhập trung bình*”, “*chưa giàu đã già*”, “*biến đổi khí hậu*”... Muốn thoát khỏi các nguy cơ đó và đạt mục tiêu phát triển nhanh mà bền vững, Việt Nam cần phát huy mạnh mẽ hệ động lực phát triển của đất nước hiện nay.

Trước hết, phải có *sự đột phá về thể chế* để khơi thông mọi nguồn lực, mọi tiềm năng của đất nước. So với nhiều quốc gia trên thế giới thì nền lập hiến của Việt Nam còn non trẻ, chưa hoàn thiện và mang không ít dấu ấn của thời chiến cũng như thời bao cấp. Xác định đây chính là “*điểm nghẽn của điểm nghẽn*” nên Bộ Chính trị khóa XIII đã ban hành Nghị quyết số 66 về “*Đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới*”. Tiến hành công việc này, cần khắc ghi lời dặn của Hồ Chí Minh, rằng “*phép luật là phép luật của nhân dân, dùng để ngăn cản những hành động có hại cho nhân dân, để bảo vệ lợi ích chung của đại đa số nhân dân*” (Hồ Chí Minh, 2011) và do đó, phải đề phòng việc “*cải cẩm lợi ích nhóm*” trong xây dựng luật pháp. Cũng cần “*tham khảo Hiến pháp của các nước bạn và của một số nước tư bản có tính chất điển*

hình” (Hồ Chí Minh, 2011) một cách có chọn lọc để pháp luật Việt Nam vừa có sự tương thích với thể giới, vừa phù hợp với điều kiện đất nước.

Chủ nghĩa xã hội đích thực không thể tụt hậu so với chế độ mà nó muốn phủ định nên Việt Nam cần phát huy sức mạnh của *kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*. Sự thịnh vượng về vật chất sẽ giúp Việt Nam nâng cao đời sống nhân dân, khả năng phòng vệ đất nước và vị thế quốc tế. Muốn vậy, phải thực hiện một loạt biện pháp: Xác lập mô hình tăng trưởng mới dựa trên sức mạnh của khoa học, công nghệ và chuyển đổi số; đẩy mạnh việc cơ cấu lại toàn bộ nền kinh tế; phát huy đầy đủ chức năng, vai trò của các thành phần kinh tế, trong đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, dẫn dắt và kinh tế tư nhân là động lực quan trọng nhất.

Văn hóa và con người Việt Nam là động lực không thể thiếu vì xưa nay, không dân tộc nào có thể “cắt cánh”, phát triển nếu không dựa trên sức mạnh của văn hóa, con người. Khi thể giới hội nhập ngày càng sâu rộng, văn hóa chính là hồn cốt, là “thẻ căn cước” của từng dân tộc; chỉ dân tộc nào có nội lực văn hóa mạnh mẽ mới không bị hòa tan và tiếp biến được tinh hoa văn hóa nhân loại. Muốn phát triển bền vững - mô hình phát triển lành mạnh, không để lại hệ lụy cho thế hệ sau, phải kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội và an ninh quốc phòng, bảo vệ môi trường để hướng tới mục tiêu vì con người trong hiện tại và tương lai.

Thực hiện tư tưởng của Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế, Việt Nam cần tiếp tục *đẩy mạnh hội nhập quốc tế một cách chủ động, sáng tạo*. Đối ngoại lúc này có nhiệm vụ tạo ra môi trường thuận lợi cho đất nước bước vào kỷ nguyên vươn mình, từng bước làm cho Việt Nam trở thành một chủ thể đóng vai trò kiến tạo các định chế khu vực và thế giới.

Điều quan trọng nhất lúc này là *phát huy sức mạnh của Đảng Cộng sản Việt Nam* với tư cách là lực lượng lãnh đạo duy nhất của dân tộc Việt Nam. Khi xác định “Đảng là đạo đức” và đạo đức lớn nhất là đạo đức “vì dân” thì phải làm cho mỗi đảng viên toàn tâm, toàn ý phục vụ nhân dân bởi “làm được như vậy, thì dù công việc to lớn mấy, khó khăn mấy chúng ta cũng nhất định thắng lợi” (Hồ Chí Minh, 2011, T.15). Hơn lúc nào hết, Đảng phải nâng mình để trở thành biểu tượng của “văn minh” với trình độ tư duy hiện đại, phương thức lãnh đạo

dân chủ, khả năng thích ứng trước mọi biến động của thời cuộc nhằm thực hiện bằng được điều cam kết là đưa dân tộc Việt Nam đến phồn vinh, hạnh phúc. Đường lối đúng là điều rất quan trọng nhưng tổ chức thực hiện đường lối cũng quan trọng không kém. Do đó, Đảng phải không ngừng nâng cao năng lực cầm quyền của mình để xứng đáng là “người cầm lái” của dân tộc văn hiến, nhân dân anh hùng.

Dù “con địa chấn” cuối thế kỷ XX đã đẩy phong trào Cộng sản thế giới rơi vào thoái trào nhưng “bánh xe lịch sử” vẫn không đảo ngược; tính chất của thời đại quá độ lên chủ nghĩa xã hội vẫn không thay đổi. Do đó, tư tưởng Hồ Chí Minh, với nội dung căn cốt là “Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội”, luôn có sức sống trường tồn. Được xây dựng trên nền tảng lý luận đó, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam đã và sẽ tiếp tục dẫn dắt dân tộc Việt Nam đạt tới các đỉnh cao chói lọi. Thành công của cách mạng Việt Nam trong gần một thế kỷ dưới sự lãnh đạo của Đảng chính là minh chứng thuyết phục về vai trò của Hồ Chí Minh với tư cách là “kiến trúc sư” của toàn bộ sự nghiệp cách mạng Việt Nam./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2000. *Văn kiện Đảng Toàn tập*. Nxb. CTQG. H. T.7. tr.119.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2002. *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd. T.21. tr.558-559.
3. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. 2016. *Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng*. 2016. *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử*. Nxb. CTQG. H. T.5. tr.301.
4. Hồ Chí Minh. 2011. *Toàn tập* (15 tập). Nxb. CTQG. H. tr.312, 187, 327, 327, 636, 325, 307, 338, 330 - 331, 337-338, 259, 510, 608, 131, 532, 616.
5. Hương Giang. *Tổng Bí thư: Tăng trưởng nhưng hết tháng hết tiền hoặc ốm đau thì cuộc sống không vui*. <https://thanhtra.com.vn/doi-noi-52FA82FBF/tong-bi-thu-tang-truong-nhung-het-thang-het-tien-hoac-om-dau-thi-cuoc-song-khong-vui-fd59f0dd0.html>, ngày cập nhật 25/11/2025, ngày truy cập 12/01/2026.
6. Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia - Ủy ban quốc gia UNESCO của Việt Nam. 1995. *Hội thảo Quốc tế Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa lớn*. Nxb. Khoa học xã hội. H. tr.66.
7. Võ Nguyên Giáp. 2001. *Những năm tháng không thể nào quên*. Nxb. QĐND. tr.378.
8. Võ Nguyên Giáp. *Mùa xuân Điện Biên Phủ*. Tạp chí Lịch sử Đảng. Số 1/1994. tr.5.
9. Võ Nguyên Giáp. 2000. *Điện Biên Phủ, điểm hẹn lịch sử*. Nxb. QĐND. H. tr.294.
10. Võ Nguyên Giáp. 2015. *Thế giới còn đổi thay nhưng tư tưởng Hồ Chí Minh sống mãi*. Nxb. CTQG. H. 2015. tr.97.